

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ H  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/HS-ST  
Ngày 18 - 3 - 2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH ĐỒNG THÁP**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Trung.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Phạm Thiện Bửu;

Ông Nguyễn Quốc Sử.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Kim Lại – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:*** Ông Hồ Long Hồ - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 72/2021/TLST-HS ngày 17 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2021/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 12 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2022/HSST-QĐ, ngày 20 tháng 01 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2022/HSST-QĐ, ngày 18 tháng 02 năm 2022, đối với:

Bị cáo Nguyễn Tấn P, sinh năm 1986 tại Đồng Tháp; nơi cư trú: Khóm An L, phường An B, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp khi phạm tội: Cán bộ Phòng Đào tạo và Thành viên Tổ dạy nghề Trường TCN - GDTX H và nghề nghiệp hiện nay: Cán bộ Phòng Đào tạo Trường T; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tấn P 1, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1954; có vợ tên Phan Thị M, sinh năm 1991 và con tên Nguyễn Phan Thiên K, sinh năm 2015; tiền sự, tiền án: Chưa. Hiện bị cáo tại ngoại, đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú và Tạm hoãn xuất cảnh (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Sở L (vắng mặt có đơn);

Địa chỉ: Số 18, Đường 30/4, phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

*Người đại diện hợp pháp của Sở L:* Ông Bùi Thành N, chức vụ: Giám đốc Sở L là người đại diện theo pháp luật.

*Người đại diện hợp pháp của Sở L:* Ông Dương Quốc V, chức vụ: Phó Trưởng Phòng Giáo dục nghề thuộc Sở L là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 06/01/2021).

2. Phòng L 1 (vắng mặt không lý do);

Địa chỉ: Đường Phan Bội Châu, khóm A, phường An T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

*Người đại diện hợp pháp của Phòng L 1:* Bà Trần Thụy Ngọc D, chức vụ: Trưởng phòng Phòng L 1 là người đại diện theo pháp luật.

*Người đại diện hợp pháp của Phòng L 1:* Ông Hồ Phú C, chức vụ: Công chức Phòng L 1 là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản số: 490/PLĐTBXH ngày 25/11/2020).

3. Phòng K (vắng mặt không lý do);

Địa chỉ: Đường Hùng Vương, phường An T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

*Người đại diện hợp pháp của Phòng K:* Ông Dương Phú X, chức vụ: Trưởng Phòng K là người đại diện theo pháp luật.

*Người đại diện hợp pháp của Phòng K:* Ông Nguyễn H, chức vụ: Phó Trưởng phòng Phòng K là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản số: 644/PKT-TH ngày 01/11/2020).

4. Công ty Đ (vắng mặt không lý do);

Địa chỉ: Đường Nguyễn Huệ, khóm D, phường An T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

5. Trường T (nay là Trường T);

Địa chỉ: Khóm An L, phường An B, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

*Người đại diện hợp pháp của Trường T:* Ông Hà Thanh L, chức vụ: Hiệu trưởng Trường T là người đại diện theo pháp luật, có mặt.

6. Nguyễn Phú H, sinh năm 1976 (có mặt);

Nơi cư trú: Khóm C, phường An T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

7. Phạm Văn N 1, sinh năm 1960 (có mặt);

Nơi cư trú: Khóm D, phường An T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

8. Trần Văn L, sinh năm 1961 (vắng mặt có đơn);

Nơi cư trú: Chung cư D1, Phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

9. Lê Thị Thanh L 1, sinh năm 1987 (có mặt);

10. Đào Văn N 2, sinh năm 1986 (có mặt);

Cùng nơi cư trú: Khóm An H, phường An B, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

11. Nguyễn Thanh V, sinh năm 1983 (vắng mặt không lý do);

Nơi cư trú: Khóm D, phường An T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

12. Nguyễn Nhật T, sinh năm 1974 (có mặt);

Nơi cư trú: Khóm A, phường An T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

13. Nguyễn Hoài B, sinh năm 1982 (có mặt);

Nơi cư trú: Khóm D, phường An T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

14. Phan Thị L 2, sinh năm 1985 (có mặt);

Nơi cư trú: Khóm C, phường An T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người làm chứng:*

1. Võ Thúy N 2, sinh năm 1978 (vắng mặt không lý do);

Nơi cư trú: Đường Nguyễn Huệ, khóm D, phường An T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

2. Nguyễn Chí L 3, sinh năm 1970 (vắng mặt không lý do);

Nơi cư trú: Ấp Bình H, xã Bình T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

3. Trương Vũ Hoài N 3, sinh năm 1987 (vắng mặt không lý do);

Nơi cư trú: Khóm An L, phường An B, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

4. Nguyễn Thị N 4, sinh năm 1954 (vắng mặt không lý do);

Nơi cư trú: Khóm Mỹ T, thị trấn M, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

5. Cao Thị Tuyết H, sinh năm 1971 (vắng mặt không lý do);

6. Đoàn Thị M, sinh năm 1970 (vắng mặt không lý do);

Cùng nơi cư trú: Ấp Tân H, xã T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trường T (gọi tắt là Trường) là đơn vị sự nghiệp có thu, trực thuộc Sở L, được thành lập theo Quyết định số 23/QĐ-UBND-TL ngày 11/3/2014 của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Đồng Tháp, trên cơ sở hợp nhất Trường Trung cấp nghề H và Trung tâm Giáo dục thành phố H. Trường có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng; có chức năng dạy nghề, giáo dục thường xuyên; có nhiệm vụ tổ chức

đào tạo nhân lực có kiến thức, kỹ thuật tham gia sản xuất, hoạt động dịch vụ với trình độ sơ cấp và dạy nghề thường xuyên, tổ chức dạy nghề, giáo dục thường xuyên, hướng nghiệp và giới thiệu việc làm, tổ chức thực hiện các chương trình giáo dục thường xuyên; nguồn kinh phí từ ngân sách cấp, thu từ hoạt động dịch vụ và các khoản thu, đóng góp hợp pháp khác. Từ ngày 13/9/2019 đến nay, Trường Trung cấp nghề - Giáo dục thành phố H đổi tên thành Trường T theo Quyết định số 109/QĐ-UBND-TL của UBND tỉnh Đồng Tháp.

Về hình thức đào tạo nghề: Từ năm 2014 đến 2018, Trường Trung cấp nghề - Giáo dục thành phố H tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn (lớp nghề nông thôn và lớp nghề theo địa chỉ) theo hình thức như sau:

Từ năm 2014 đến 2016: Căn cứ nhu cầu của địa phương và Doanh nghiệp, Sở L tổng hợp, giao chỉ tiêu và trực tiếp ký Hợp đồng đặt hàng đào tạo với Trường (*Trường ký hợp đồng với Doanh nghiệp, nếu đào tạo theo địa chỉ*) theo định mức kinh phí đào tạo do UBND Tỉnh quy định;

Năm 2017: Trường thực hiện theo hình thức giao nhiệm vụ. Sở L giao chỉ tiêu, dự toán kinh phí về Trường; Trường mở lớp đào tạo theo nhu cầu của địa phương và Doanh nghiệp; thanh quyết toán chi phí đào tạo qua kiểm soát chi của Kho bạc nhà nước thị xã Hồng Ngự;

Năm 2018: Sau khi kế hoạch đào tạo nghề hàng năm trên địa bàn Tỉnh được UBND Tỉnh phê duyệt, Sở Tài chính chuyển dự toán kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn về UBND cấp Huyện, Trường ký hợp đồng đặt hàng đào tạo và thanh quyết toán với Đơn vị đặt hàng qua kiểm soát chi của Kho bạc nhà nước cấp Huyện.

Công tác đào tạo nghề được Trường giao cho Tổ Quản lý đào tạo nghề lao động nông thôn (gọi tắt là Tổ Dạy nghề) tổ chức thực hiện. Trường có quyết định thành lập Tổ Dạy nghề, thành viên của Tổ gồm cán bộ, giáo viên ở các Khoa, Phòng, Bộ môn. Tổ Dạy nghề do Phó Hiệu trưởng phụ trách công tác đào tạo nghề lãnh đạo, phụ trách.

Về thủ tục thanh quyết toán kinh phí đào tạo như sau:

Đối với lớp nghề nông thôn: Trên cơ sở chỉ tiêu được giao, Trường phối hợp với đoàn thể, chính quyền địa phương tuyển sinh các lớp và thông báo về Đơn vị đặt hàng (*Sở L hoặc Phòng L 1, Phòng K nay là thành phố H*) để thẩm định, ký hợp đồng đặt hàng với Trường. Kết thúc đào tạo, Trường lập hồ sơ gửi Đơn vị đặt hàng xem xét thẩm định kinh phí; căn cứ vào hồ sơ đề nghị của Trường, hai bên tiến hành nghiệm thu, thanh lý hợp đồng và xuất hóa đơn; Đơn vị đặt hàng thanh toán kinh phí theo hợp đồng đã ký;

Đối với lớp nghề theo địa chỉ: Trên cơ sở chỉ tiêu được giao, Trường phối hợp với Doanh nghiệp để trao đổi, thống nhất mở lớp đào tạo, sau đó đề nghị Sở L thẩm định, xem xét và ký hợp đồng đặt hàng với Trường, thanh toán chi phí đào tạo 75% -

80%. Căn cứ đó, Trường ký hợp đồng với Doanh nghiệp để mở lớp đào tạo và Doanh nghiệp thanh toán 20% - 25% chi phí đào tạo còn lại. Kết thúc đào tạo, Trường phối hợp với Sở L và Doanh nghiệp nghiệm thu, thanh lý hợp đồng và xuất hóa đơn; Sở L, Doanh nghiệp thanh toán tiền theo hợp đồng đã ký.

Căn cứ kết quả đào tạo, Đơn vị đặt hàng thanh toán tiền theo định mức chi phí từng nghề/học viên (được UBND Tỉnh phê duyệt) x (nhân) Số lượng học viên được đào tạo. Theo đó: Trường hợp học viên được đào tạo thì thanh toán theo định mức; trường hợp không được đào tạo ngay từ đầu thì không thanh toán; trường hợp học viên tham gia một thời gian sau đó bỏ học, nghỉ học thì khi nghiệm thu, thanh toán sẽ thanh toán đủ theo định mức (giai đoạn từ năm 2014 đến 2016) hoặc giảm trừ chi phí trực tiếp cho học viên như nguyên, nhiên, vật liệu (giai đoạn từ năm 2017 đến 2018) trong định mức quy định.

Về thủ tục thanh quyết toán chi phí đào tạo: Quá trình đào tạo các lớp nghề phát sinh một số chi phí như: Vận động mở lớp, thuê địa điểm, giáo viên giảng dạy, trang trí hội trường, vật tư, tài liệu, chứng chỉ, quản lý lớp... Tổ Dạy nghề làm hồ sơ thanh quyết toán và chi trả từ nguồn tiền do Đơn vị đặt hàng thanh toán theo thực tế phát sinh. Tiền do Đơn vị đặt hàng (*Sở L hoặc Phòng L 1, Phòng K*) và Doanh nghiệp thanh toán là nguồn thu của Trường TCN-GDTP H.

Bị cáo Nguyễn Tấn P công tác tại Trường từ năm 2011, quá trình công tác như sau:

Từ năm 2011 đến 2013 là Nhân viên bảo vệ đến năm 2013 được phân công làm Cán bộ Phòng Đào tạo.

Từ năm 2014 đến 2018, ngoài là Cán bộ Phòng Đào tạo, Bị cáo P còn được phân công là thành viên Tổ Dạy nghề, với nhiệm vụ: Phụ trách công tác đào tạo các lớp nghề, xây dựng kế hoạch đào tạo, liên hệ địa phương để mở lớp, xác nhận, kiểm tra việc giảng dạy, quản lý lớp học; tìm kiếm, liên hệ, trao đổi, thỏa thuận với cá nhân, tổ chức có liên quan đến chi phí phát sinh trong quá trình đào tạo; tập hợp tài liệu, chứng từ cung cấp cho bộ phận kế toán làm hồ sơ, thủ tục thanh quyết toán, nhận tiền mặt và chi trả chi phí phát sinh.

Quá trình điều tra đã chứng minh được từ năm 2014 đến 2018, vì động cơ vụ lợi Nguyễn Tấn P đã lợi dụng việc thực hiện nhiệm vụ được giao trong công tác tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn để làm hồ sơ thanh toán không chi phí và kinh phí đào tạo nghề với số tiền 123.673.250 đồng, hành vi phạm tội của Bị cáo P cụ thể như sau:

*Hành vi thứ nhất:* Thanh toán không chi phí phát sinh trong quá trình đào tạo với số tiền 28.700.000 đồng, trong đó:

Thanh toán không chi phí thuê mặt bằng của bà Võ Thúy N 2 với số tiền 10.200.000 đồng: Hồ sơ thể hiện năm 2014 và 2015, Trường có 11 hồ sơ thanh quyết toán chi phí thuê mặt bằng của bà Võ Thúy N 2 để giảng dạy 11 lớp nghề

May công nghiệp (MCN) với tổng số tiền 46.200.000 đồng; thực tế Trường có tổ chức đào tạo 11 lớp nghề MCN theo hợp đồng đặt hàng với Sở L Tỉnh và có thuê mặt bằng của bà N 2 để giảng dạy. Tuy nhiên, tổng số tiền thuê chỉ có 36.000.000 đồng nhưng Bị cáo P làm hồ sơ thanh toán với số tiền 46.200.000 đồng, Trường đã chi trả nhiều hơn thực tế 10.200.000 đồng.

Thanh toán không chi phí thuê mặt bằng của ông Nguyễn Chí L 3 với số tiền 4.200.000 đồng: Hồ sơ thể hiện năm 2016 Trường thanh quyết toán chi phí thuê mặt bằng của ông Nguyễn Chí L 3 để giảng dạy lớp MCN khóa 02/2016 với số tiền 4.200.000 đồng; thực tế Trường có tổ chức đào tạo lớp MCN khóa 02/2016 theo hợp đồng đặt hàng với Sở L Tỉnh. Tuy nhiên, không phát sinh chi phí thuê mặt bằng, vì ông L 3 hỗ trợ, không lấy tiền. Bị cáo P đã thanh quyết toán không và Trường đã chi trả số tiền 4.200.000 đồng.

Thanh toán không chi phí thuê phương tiện của ông Trương Vũ Hoài N 3 để vận chuyển trang thiết bị, nguyên vật liệu giảng dạy các lớp nghề Tạo sản phẩm từ lục bình, bẹ chuối (LBBC) với số tiền 14.300.000 đồng: hồ sơ thể hiện năm 2014 và 2015 Trường có 11 hồ sơ thanh quyết toán chi phí thuê phương tiện của ông Trương Vũ Hoài N 3 để vận chuyển trang thiết bị, nguyên vật liệu giảng dạy 11 lớp nghề Tạo sản phẩm từ LBBC với tổng số tiền 14.300.000 đồng; thực tế Trường tổ chức đào tạo 11 lớp Tạo sản phẩm từ LBBC theo hợp đồng đặt hàng với Sở L Tỉnh. Tuy nhiên, trang thiết bị, nguyên vật liệu do bà Nguyễn Thị N 4, ngụ Khóm Mỹ T, TT.Mỹ Tho, huyện Cao L cung cấp và tự vận chuyển đến giao, không phát sinh chi phí thuê phương tiện để vận chuyển. Bị cáo P đã thanh quyết toán không chi phí thuê phương tiện của ông N 3 và Trường đã chi trả số tiền 14.300.000 đồng.

Kết luận giám định của Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp: Việc làm hồ sơ thanh quyết toán không đúng những chi phí nêu trên đã gây thiệt hại cho nguồn thu của Trường TCN - GDTP H số tiền 28.700.000 đồng (Số tiền này do Sở LĐ-TBXH tỉnh thanh toán từ nguồn kinh phí Đề án 1956 của Chính phủ).

*Hành vi thứ hai:* Thanh toán không kinh phí đào tạo lớp nghề may công nghiệp (MCN) khóa 04/2016 với số tiền 25.191.000 đồng: Hồ sơ thể hiện năm 2016 Trường có thanh toán kinh phí đào tạo lớp MCN khóa 04/2016 với Sở L tỉnh Đồng Tháp với số tiền 25.791.000 đồng; thực tế Trường không có tổ chức đào tạo lớp MCN khóa 04/2016. Bị cáo P đã thanh quyết toán không kinh phí đào tạo và Sở L Tỉnh đã thanh toán số tiền 25.791.000 đồng; bị cáo P khai nhận: Lớp học có mở nhưng không có người học nên duy trì vài ngày, sau đó không tổ chức đào tạo; chi phí đã phát sinh khoảng 10 triệu đồng gồm vận động mở lớp, mua nguyên vật liệu và thuê phương tiện vận chuyển. Để tránh việc Trường phải bù lỗ chi phí đã chi nên làm hồ sơ thanh toán không.

Kết luận giám định của Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp: Khi chứng minh được chi phí đã chi để mở lớp thì số tiền gây thiệt hại sẽ bằng số tiền đã thanh quyết toán trừ số tiền chi thực tế đã thực hiện; số tiền thiệt hại là nguồn tiền của Sở L Tỉnh; kết quả điều tra chứng minh được bị cáo P chỉ có chi tiền vận động mở lớp cho bà Cao

Thị Tuyết H với số tiền 600.000 đồng, còn lại 25.191.000 đồng bị cáo P không xuất trình được chứng từ chứng minh, gây thiệt hại 25.191.000 đồng (25.791.000 đồng – 600.000 đồng = 25.191.000 đồng).

*Hành vi thứ 3:* Thanh toán không đúng số lượng học viên thực tế được đào tạo nghề từ năm 2014 đến năm 2018 với số tiền 69.782.250 đồng: Hồ sơ thể hiện từ năm 2014 đến 2018 Trường quyết toán kinh phí đào tạo các lớp nghề, trong đó có 270 học viên được đào tạo và cấp 563 chứng chỉ nghề, có trường hợp 01 người được cấp 02 hoặc 03, 04 chứng chỉ cùng một nghề hoặc khác nghề; kết quả điều tra đối với 99 học viên được cấp 167 chứng chỉ nghề (*có tên trong hồ sơ thanh toán*) chứng minh được có 68 học viên không được đào tạo nhưng cấp 82 chứng chỉ nghề và làm hồ sơ thanh toán với số tiền chênh lệch so với định mức quy định là 69.782.250 đồng, gồm: Hợp đồng đặt hàng với Sở L Tỉnh: 38.197.600 đồng; hợp đồng đặt hàng với Phòng L 1: 7.646.550 đồng; hợp đồng đặt hàng với Phòng K: 11.734.400 đồng; Trường thực hiện theo hình thức giao nhiệm vụ: 12.203.700 đồng; còn lại 171 học viên được cấp 396 chứng chỉ nghề, do không làm việc được nên không xác định được có đào tạo hay không.

Kết luận giám định của Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp: Việc làm hồ sơ thanh quyết toán không đúng nói trên đã gây thiệt hại số tiền 69.782.250 đồng của các đơn vị sau: Sở L Tỉnh 49.153.000 đồng; Phòng L 1 7.646.550 đồng; Phòng K 11.734.400 đồng; Công ty D 1.248.300 đồng.

Như vậy, tổng số tiền Bị cáo P đã thanh toán không là 123.673.250 đồng.

Quá trình điều tra, bị cáo P thừa nhận: Vì muốn có tiền chi trả những chi phí phát sinh trong quá trình đào tạo nghề không được thanh quyết toán và không phải bù lỗ kinh phí đào tạo, bị cáo P đã thực hiện hành vi phạm tội nói trên; việc thanh quyết toán không đúng bị cáo P có báo cáo, trao đổi bằng miệng với Lãnh đạo Trường, bộ phận kế toán và được thống nhất thực hiện (nhưng không có tài liệu chứng cứ chứng minh và những người liên quan không thừa nhận) số tiền thanh toán không do bị cáo P trực tiếp quản lý và sử dụng như sau:

Số tiền 53.891.000 đồng (thanh toán không chi phí thuê mặt bằng, phương tiện và kinh phí đào tạo lớp MCN khóa 04/2016): Bị cáo chi trả 600.000 đồng để vận động mở lớp MCN khóa 04/2016, số tiền còn lại chi trả tiền tiếp khách, ăn uống, đi lại trong quá trình đào tạo theo chỉ đạo của Lãnh đạo Trường. Việc sử dụng số tiền không có ghi sổ sách nhưng bị cáo P có theo dõi các khoản chi trên máy vi tính làm việc của mình (Cơ quan điều tra đã thu dữ liệu điện tử và bản in có liên quan);

Số tiền 69.782.250 đồng (thanh toán không kinh phí đào tạo nghề cho 68 học viên): Bị cáo khai chi trả các chi phí phát sinh trong quá trình đào tạo các lớp nghề theo hồ sơ thanh quyết toán đã nêu trên nhưng không có tài liệu chứng cứ chứng minh.

Vật chứng thu giữ: Trong quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Đồng Tháp đã thu giữ những hồ sơ, tài liệu như sau: Hồ sơ thanh quyết toán không kinh phí và chi phí đào tạo nghề cho lao động nông thôn, do Trường Trung cấp nghề -

GDTP H giao nộp; Dữ liệu điện tử và bảng kê theo dõi việc sử dụng số tiền thanh toán không do Bị cáo P giao nộp.

Những hồ sơ, tài liệu này Cơ quan điều tra đã đưa vào hồ sơ vụ án để làm chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo.

Việc thu hồi và tạm giữ tài sản: Trong quá trình thanh tra, Trường Trung cấp nghề - GDTP H đã nộp cho Thanh tra tỉnh Đồng Tháp số tiền 54.491.000 đồng và trong quá trình điều tra, Trường Trung cấp nghề - GDTP H đã nộp cho Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Đồng Tháp số tiền 69.782.300 đồng để khắc phục hậu quả.

Về trách nhiệm dân sự: Tổng số tiền mà bị cáo Nguyễn Tấn P đã gây thiệt hại là 123.673.250 đồng. Trong giai đoạn thanh tra và điều tra, bị cáo P và những người liên quan đã nộp khắc phục xong số tiền này.

Về trách nhiệm của những người có liên quan đến vụ án gồm: Nguyễn Phú H, Phạm Văn N 1, Trần Văn L, Lê Thị Thanh L 1, Đào Văn N 2 đã được nêu chi tiết trong Bản kết luận điều tra. Xét thấy quá trình điều tra không có tài liệu chứng cứ chứng minh họ là đồng phạm, không truy cứu trách nhiệm hình sự nên không xem xét, giải quyết.

Trong quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Tấn P thừa nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với những tài liệu, chứng cứ khác như: Lời khai của bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; kết quả đối chiếu, đối chất giữa bị cáo với những người tham gia tố tụng khác; hồ sơ thanh quyết toán chi phí, kinh phí đào tạo nghề; kết luận thanh tra, kết luận giám định chữ ký chữ viết, kết luận giám định tài chính và dữ liệu điện tử mà Cơ quan điều tra đã thu giữ.

Tại Bản cáo trạng số: 08/CT-VKSĐT-P1 ngày 12 tháng 5 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp truy tố bị cáo Nguyễn Tấn P về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 356 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội giống như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Ngoài ra, không có ý kiến, yêu cầu gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm có: Trường T, Nguyễn Phú H, Phạm Văn N 1, Lê Thị Thanh L 1, Đào Văn N 2, Nguyễn Nhật T, Nguyễn Hoài B, Phan Thị L 2 ý kiến: Thống nhất toàn bộ nội dung trong bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Ngoài ra, không có ý kiến, yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố H thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử đã phát biểu lời luận tội: Kháng định hành vi của bị cáo Nguyễn Tấn P đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 356 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Tấn P



về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 356 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 356, điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn P từ 02 năm đến 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 (bốn) năm đến 05 (năm) năm; hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo Nguyễn Tấn P đảm nhiệm chức vụ liên quan đến công tác tài chính và giáo dục, đào tạo nghề là 02 (hai) năm đến 03 (ba) năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Về trách nhiệm của những người có liên quan đến vụ án gồm: Nguyễn Phú H, Phạm Văn N 1, Trần Văn L, Lê Thị Thanh L 1, Đào Văn N 2 đã được nêu chi tiết trong Bản kết luận điều tra. Xét thấy quá trình điều tra không có tài liệu chứng cứ chứng minh họ là đồng phạm, không truy cứu trách nhiệm hình sự nên không xem xét, giải quyết.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã gây thiệt hại là 123.673.250 đồng. Trong giai đoạn thanh tra và điều tra, bị cáo và những người liên quan đã nộp khắc phục xong số tiền này nên không xem xét, giải quyết.

Vật chứng thu giữ: Trong quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Đồng Tháp đã thu giữ những hồ sơ, tài liệu như sau: Hồ sơ thanh quyết toán không kinh phí và chi phí đào tạo nghề cho lao động nông thôn, do Trường Trung cấp nghề - GDTP H giao nộp; dữ liệu điện tử và bảng kê theo dõi việc sử dụng số tiền thanh toán không do bị cáo P giao nộp. Những hồ sơ, tài liệu này Cơ quan điều tra đã đưa vào hồ sơ vụ án để làm chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo.

Việc thu hồi và tạm giữ tài sản: Trong quá trình thanh tra, Trường Trung cấp nghề - GDTP H đã nộp cho Thanh tra tỉnh Đồng Tháp số tiền 54.491.000 đồng và trong quá trình điều tra, Trường Trung cấp nghề - GDTP H đã nộp cho Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Đồng Tháp số tiền 69.782.300 đồng để khắc phục hậu quả.

Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Đồng Tháp đang quản lý toàn bộ số tiền nêu trên.

Bị cáo Nguyễn Tấn P thống nhất nội dung luận tội của Kiểm sát viên và không tranh luận, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành

vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Tấn P đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như Bản cáo trạng số: 08/CT-VKSĐT-P1 ngày 12 tháng 5 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp truy tố, cụ thể là từ năm 2014 đến 2018, bị cáo đã làm thủ tục thanh toán không chi phí phát sinh trong quá trình đào tạo với số tiền 28.700.000đồng (trong đó, thanh toán không chi phí thuê mặt bằng của bà Võ Thúy N 2 số tiền 10.200.000đồng; thanh toán không chi phí thuê mặt bằng của ông Nguyễn Chí L 3 số tiền 4.200.000đồng; thanh toán không chi phí thuê phương tiện của ông Trương Vũ Hoài N 3 để vận chuyển trang thiết bị, nguyên vật liệu giảng dạy các lớp nghề tạo sản phẩm từ lục bình, bẹ chuối số tiền 14.300.000đồng); thanh toán không kinh phí đào tạo lớp nghề may công nghiệp (MCN) khóa 04/2016 với số tiền 25.191.000 đồng; thanh toán không đúng số lượng học viên thực tế được đào tạo nghề từ năm 2014 đến năm 2018 với số tiền 69.782.250 đồng, tổng cộng gây thiệt hại cho các cơ quan, tổ chức với số tiền là 123.673.250đồng. Tuy nhiên, bị cáo khai việc làm thủ tục không hề thanh, quyết toán chi phí nêu trên là để chi trả tiền tiếp khách, ăn uống, đi lại trong quá trình đào tạo theo chỉ đạo của Lãnh đạo Trường nhưng không có tài liệu chứng cứ chứng minh nên Hội đồng xét xử không chấp nhận lý lẽ này.

[3] Căn cứ vào Kết luận giám định số: 2649/KLGD-STC, ngày 29 tháng 10 năm 2020 của Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp đối với các nội dung theo Quyết định trưng cầu giám định số 916/QĐ-CSĐT ngày 30/9/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Tháp và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[4] Như vậy, đã đủ chứng cứ để kết luận hành vi của bị cáo đã phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 356 Bộ luật Hình sự.

[5] Tại Điều 356. Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ quy định: “ 1. Người nào vì vụ lợi hoặc động cơ cá nhân khác mà lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái công vụ gây thiệt hại về tài sản từ 10.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại khác đến lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm; 2. *Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:* a).....; b) *Phạm tội 02 lần trở lên;* 3. ....; 4. *Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng*”.

[6] Bị cáo là công dân đã trưởng thành, có trình độ học vấn đại học, nhận thức được hành vi của mình, biết rất rõ hành vi nào là đúng pháp luật, hành vi nào là vi phạm pháp luật, có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo quy định, là người có đầy đủ sức khỏe và việc làm ổn định để lao động nuôi sống bản thân và gia đình, vì muốn có tiền mà bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội nêu trên. Bị cáo nhận thức

được việc lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái công vụ gây thiệt hại cho Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức là vi phạm pháp luật, là có tội. Vậy mà bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội và đã gây thiệt hại cho các cơ quan, tổ chức có nguồn tiền là từ ngân sách Nhà nước.

[7] Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những gây thiệt hại về tài sản và xâm hại đến hoạt động đúng đắn trong công tác quản lý nhà nước, điều tiết xã hội của các cơ quan, tổ chức mà còn ảnh hưởng xấu đến việc thực hiện đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước về đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Tuy nhiên, bị cáo là cán bộ Phòng đào tạo và là thành viên của Tổ dạy nghề có quyền hạn nhất định, làm không đúng từ thanh, quyết toán để bù đắp vào các khoản chi phí như ăn uống, tiếp khách,... của Trường T, không vì động cơ vụ lợi hoặc động cơ cá nhân khác, không được hưởng lợi ích; tích cực hợp tác với cơ quan có thẩm quyền, góp phần có hiệu quả vào việc điều tra, xử lý tội phạm; chủ động nộp lại toàn bộ tài sản, khắc phục toàn bộ hậu quả và đã bồi thường toàn bộ thiệt hại do bị cáo gây ra; bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

[8] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có; về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã khắc phục xong hậu quả; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tích cực hợp tác với cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; bị cáo được tặng thưởng nhiều giấy khen trong quá trình công tác; có thời gian phục vụ trong quân đội; có ông nội là liệt sĩ; cha bị cáo là cán bộ về hưu và được tặng thưởng nhiều giấy khen trong quá trình công tác được quy định tại các điểm b, s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[9] Nhân thân của bị cáo: Chưa có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt, địa chỉ rõ ràng; chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

[10] Bị cáo bị áp dụng hình phạt bổ sung là cấm đảm nhiệm chức vụ liên quan đến tài chính và giáo dục, đào tạo nghề 02 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

[11] Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy khi lượng hình cũng cần phải cân nhắc xem xét giảm nhẹ hình phạt và có mức án tương xứng đối với hành vi phạm tội của bị cáo để thể hiện tính nghiêm minh, nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa, nhằm giáo dục cho bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời cũng giáo dục, răn đe, phòng ngừa chung cho những ai có ý định phạm tội như bị cáo.

[12] Đối với những người có liên quan đến vụ án gồm: Ông Nguyễn Phú H - Nguyên Hiệu trưởng Trường TCN-GDTX H (nay là Trường T) có liên quan đến nội dung sai phạm là ký hợp đồng, thanh lý tổng số tiền 19.582.000đồng thanh toán không đúng số lượng học viên được đào tạo; ông Phạm Văn N 1 - Nguyên Hiệu

trưởng Trường TCN-GDTX H (nay là Trường T) đã nghỉ hưu, có liên quan đến nội dung sai phạm là ký hồ sơ tổng số tiền 59.348.300đồng; ông Trần Văn L - Nguyên Phó Hiệu trưởng Trường TCN-GDTX H (nay là Trường T) đã nghỉ hưu, có liên quan đến nội dung sai phạm là lãnh đạo phụ trách và ký hợp đồng, thanh lý tổng số tiền 45.990.900đồng, xét thấy: Ngày 18/11/2021, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã ban hành Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm và ngày 17/12/2021, Viện kiểm sát đã ban hành Công văn số: 835/VKSĐT-P1 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp, về việc giữ nguyên quyết định truy tố và chuyển hồ sơ vụ án để xét xử; đồng thời, kết quả điều tra không đủ căn cứ để kết luận ông Nguyễn Phú H, ông Phạm Văn N 1 và ông Trần Văn L đồng phạm trong vụ án (vì chỉ có lời khai của Bị cáo P). Là lãnh đạo khi ký hồ sơ thanh, quyết toán là có phần trách nhiệm, nhưng có kiểm tra và số tiền thiệt hại đối với từng người dưới 100 triệu đồng nên không đủ định lượng xem xét hành vi thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng nên Viện kiểm sát không đề cập xử lý. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[13] Đối với bà Lê Thị Thanh L 1 - Kế toán trưởng của Trường TCN-GDTX H (nay là Trường T), có liên quan đến sai phạm là người ký duyệt kế toán trưởng tất cả hồ sơ tổng số tiền 123.673.250đồng, xét thấy: Ngày 18/11/2021, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã ban hành Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm và ngày 17/12/2021, Viện kiểm sát đã ban hành Công văn số: 835/VKSĐT-P1 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp, về việc giữ nguyên quyết định truy tố và chuyển hồ sơ vụ án để xét xử; đồng thời, kết quả điều tra không đủ căn cứ để kết luận bà Lan đồng phạm trong vụ án (vì chỉ có lời khai của Bị cáo P). Là kế toán trưởng khi ký hồ sơ thanh, quyết toán và xảy ra thiệt hại trên 100 triệu đồng là có phần trách nhiệm nhưng bà Lan xác định có kiểm tra, hồ sơ đầy đủ, trong phạm vi trách nhiệm kế toán không thể buộc bà Lan phải biết nội dung thực tế của chứng từ nên không có căn cứ để xác định hành vi thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng nên Viện kiểm sát không đề cập xử lý. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[14] Đối với ông Đào Văn N 2 - Cán bộ phòng Tài chính Kế toán Trường TCN-GDTX H (nay là Trường T) và là thành viên Tổ dạy nghề, có liên quan đến sai phạm là người tập hợp chứng từ, tài liệu, thông tin từ Bị cáo P để làm hồ sơ, thủ tục trình bà Lê Thị Thanh L 1 và lãnh đạo ký duyệt tổng số tiền 123.673.250đồng, xét thấy: Ngày 18/11/2021, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã ban hành Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm và ngày 17/12/2021, Viện kiểm sát đã ban hành Công văn số: 835/VKSĐT-P1 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp, về việc giữ nguyên quyết định truy tố và chuyển hồ sơ vụ án để xét xử; đồng thời, là cán bộ phụ trách kế toán của Tổ dạy nghề, ông N 2 đã cùng Bị cáo P ký thay tên của một số người có liên quan đến hồ sơ thanh, quyết toán và Bị cáo P khai nhận có trao đổi ông N 2 biết, thống nhất việc làm sai phạm, từ đây có cơ sở nhận định ông N 2 có dấu hiệu đồng phạm trong vụ án. Tuy nhiên, ông N 2 làm thủ tục, hồ sơ thanh toán trên cơ sở chứng từ, thông tin do bị cáo P cung cấp; việc ký

thay tên người khác là để hoàn thiện hồ sơ (bị cáo thống nhất khi đối chất), không xác định được cụ thể số lượng đã ký; ông N 2 xác định không biết và không được trao đổi về việc thanh toán không đúng; trong phạm vi kế toán không thể buộc ông N 2 phải biết nội dung thực tế của chứng từ và cũng không có tài liệu khác nên không đủ căn cứ để kết luận ông N 2 đồng phạm với bị cáo P. Việc ông N 2 ký thay tên người khác trong hồ sơ là không đúng quy định và dẫn đến việc Bị cáo P gây thiệt hại trên 100 triệu đồng, bước đầu nhận thấy có dấu hiệu thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng. Tuy nhiên, thiệt hại diễn ra nhiều năm (từ năm 2014 đến 2018) xảy ra ở nhiều đơn vị, số tiền thiệt hại từng năm ở từng đơn vị bị thiệt hại không lớn (dưới 100 triệu) và đã khắc phục xong hết nên không đủ căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự đối với ông N 2 về hành vi sai phạm này nên Viện kiểm sát không đề cập xử lý. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[15] Đối với trách nhiệm cá nhân phụ trách của các cơ quan, đơn vị có liên quan đến lớp may công nghiệp khóa 04/2016 và các lớp có học viên nghỉ học mà bị cáo đã làm thủ tục thanh, quyết toán không, xét thấy: Ngày 18/11/2021, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã ban hành Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm và ngày 17/12/2021, Viện kiểm sát đã ban hành Công văn số: 835/VKSĐT-P1 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp, về việc giữ nguyên quyết định truy tố và chuyển hồ sơ vụ án để xét xử, với nội dung là đối với các cá nhân phụ trách công tác đào tạo nghề của các cơ quan, đơn vị có liên quan: bị can P xác nhận việc Phúc làm hồ sơ thanh quyết toán không đúng họ không biết, không giúp sức hoặc cùng thực hiện hành vi phạm tội với bị cáo P nên Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với họ là có căn cứ nên Viện kiểm sát không đề cập xử lý. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[16] Về trách nhiệm dân sự: Tổng số tiền mà bị cáo P đã thanh quyết toán không là 123.673.250 đồng (trong đó, Sở L với số tiền 74.344.000 đồng; Phòng L 1 với số tiền 7.646.550 đồng; Phòng K với số tiền 11.734.400 đồng; Trường Trung cấp nghề - Giáo dục thành phố H (nay là Trường T) với số tiền 28.700.000 đồng; Công ty Đ với số tiền 1.248.300 đồng). Trong giai đoạn thanh tra, bị cáo đã nộp khắc phục cho Thanh tra tỉnh Đồng Tháp với số tiền 54.491.000 đồng và trong giai đoạn điều tra, bị cáo đã nộp khắc phục cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Tháp với số tiền 69.782.250 đồng, tổng cộng 124.273.250 đồng, đến nay bị cáo đã bồi thường, khắc phục xong toàn bộ thiệt hại nêu trên.

[17] Về vật chứng của vụ án và tài sản tạm giữ: Vật chứng thu giữ: Trong quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Đồng Tháp đã thu giữ những hồ sơ, tài liệu như sau: Hồ sơ thanh quyết toán không kinh phí và chi phí đào tạo nghề cho lao động nông thôn, do Trường Trung cấp nghề - GDTP H (nay là Trường T) giao nộp; dữ liệu điện tử và bảng kê theo dõi việc sử dụng số tiền thanh toán không do Bị cáo P giao nộp. Những hồ sơ, tài liệu này Cơ quan điều tra đã đưa vào hồ sơ vụ án để làm chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo; về tài sản thu giữ: Trong quá trình thanh tra và giai đoạn điều tra đã thu giữ tổng số tiền là 124.273.250 đồng do bị cáo

và những người có liên quan đã giao nộp để khắc phục hậu quả. Do đó, tiếp tục quản lý số tiền này để bảo đảm thi hành án.

[18] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 356, các điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Tấn P phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn P 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án (18-3-2022).

Giao bị cáo Nguyễn Tấn P cho Ủy ban nhân dân phường An B, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường An B, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp trong việc giám sát, giáo dục.

Trong thời gian thử thách, bị cáo Nguyễn Tấn P cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Nguyễn Tấn P phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp bị cáo Nguyễn Tấn P thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 4 Điều 356 của Bộ luật Hình sự.

Cấm bị cáo Nguyễn Tấn P đảm nhiệm chức vụ liên quan đến công tác tài chính và giáo dục, đào tạo nghề là 02 (hai) năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 288, 584, 589 của Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Tấn P bồi thường số tiền 122.424.950 đồng (Một trăm hai mươi hai triệu bốn trăm hai mươi bốn nghìn chín trăm năm mươi đồng) để nộp vào ngân sách Nhà nước (bị cáo đã bồi thường xong).

Buộc bị cáo Nguyễn Tấn P bồi thường cho Công ty Đ với số tiền 1.248.300 đồng (Một triệu hai trăm bốn mươi tám nghìn ba trăm đồng), (bị cáo đã bồi thường xong).

Hoàn trả lại cho bị cáo Nguyễn Tấn P số tiền 600.050đồng, làm tròn 600.000đồng (sáu trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số: 013652, ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Về vật chứng của vụ án:

Tiếp tục lưu giữ Hồ sơ thanh quyết toán không kinh phí và chi phí đào tạo nghề cho lao động nông thôn, do Trường Trung cấp nghề - GDTP H giao nộp; dữ liệu điện tử và bảng kê theo dõi việc sử dụng số tiền thanh toán không do Bị cáo P giao nộp.

Về tài sản thu giữ: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự

Nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 122.424.950đồng (Một trăm hai mươi hai triệu bốn trăm hai mươi bốn nghìn chín trăm năm mươi đồng) do bị cáo và các người có liên quan giao nộp trong giai đoạn thanh tra, điều tra để khắc phục hậu quả. Số tiền này do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Đồng Tháp quản lý.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Tấn P phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng).

Về quyền kháng cáo: Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 18 tháng 3 năm 2022). Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc tổng đạt theo quy định của pháp luật.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND TP. Hồng Ngự;
- Cơ quan Điều tra Công an TP. Hồng Ngự;
- Cơ quan THA HS Công an TP. Hồng Ngự;
- Nhà tạm giữ Công an TP. Hồng Ngự;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thành Trung**

